

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN G
TỈNH KIÊN GIANG**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 112/2022/HNGĐ-ST

Ngày 20 - 9 - 2022

V/v: “*T/c Hôn nhân và gia đình
xin ly hôn*”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN G, TỈNH KIÊN GIANG

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán-Chủ tọa phiên tòa:* Ông Lê Văn Tám
- *Các Hội thẩm nhân dân:*
 1. Ông Hà Bửu Khánh
 2. Ông Võ Minh Tuấn
- *Thư ký phiên tòa:* Bà Huỳnh Thị Phụng-Thư ký Tòa án nhân dân huyện G.
- *Đại diện-Viện Kiểm sát nhân dân huyện G tham gia phiên tòa:* Không tham gia.

Trong ngày 20 tháng 9 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện G xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 359/2022/TLST-HNGĐ, ngày 31 tháng 5 năm 2022 về việc “*Tranh chấp Hôn nhân và gia đình-xin ly hôn*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 119/2022/QĐXXST-HNGĐ, ngày 20 tháng 8 năm 2022 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Anh Trần Thanh T, sinh năm 1992, địa chỉ: khu phố 6, thị trấn G, huyện G, tỉnh Kiên Giang (có mặt).

Bị đơn: Chị Nguyễn Thị Tuyết N, sinh năm: 1997, địa chỉ: khu phố 6, thị trấn G, huyện G, tỉnh Kiên Giang (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn anh Trần Thanh T trình bày như sau: Anh và chị Nguyễn Thị Tuyết N kết hôn với nhau vào ngày 15 tháng 9 năm 2017 tại UBND thị trấn G, huyện G, tỉnh Kiên Giang.

Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống với nhau lúc đầu cũng có hạnh phúc nhưng dần về sau thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do tính tình không còn phù hợp, cãi vã nhau liên tục dẫn đến tình cảm phai nhạt, mất hạnh phúc mặc dù vợ chồng đã cố gắng hàn gắn nhưng không đem lại kết quả và từ đó ly thân cho đến nay.

Về con chung: Có 01 đứa con chung tên Trần Nguyễn Thành T1, sinh ngày 25/6/2016 hiện đang sống với anh T, anh T yêu cầu được tiếp tục nuôi, không yêu cầu chị N cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản và nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn: Chị Nguyễn Thị Tuyết N vắng mặt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các T1 liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

- Chị Nguyễn Thị Tuyết N có nơi cư trú tại khu phố 6, thị trấn G, huyện G, tỉnh Kiên Giang thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện G, tỉnh Kiên Giang theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Bị đơn chị Nguyễn Thị Tuyết N đã được Tòa án tiến hành tổng đạt thông báo thụ lý vụ án số 359/2022/TLST-HNGĐ, ngày 31 tháng 5 năm 2022 và được em chị N tên Nguyễn Thị Tuyết N2 ký nhận vào văn bản và cam kết giao lại cho chị N để chị N trình bày ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của T nhưng chị N không thực hiện, chị N đã cố tình trốn tránh, vắng mặt tại các phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải cũng như tại phiên tòa, việc vắng mặt của chị N không rõ lý do.

[2] Về nội dung:

- Quan hệ hôn nhân giữa anh Trần Thanh T với chị Nguyễn Thị Tuyết N có kết hôn vào ngày 15 tháng 9 năm 2017 tại UBND thị trấn G, huyện G, tỉnh Kiên Giang là hôn nhân hợp pháp.

Theo lời trình bày của anh Trần Thanh T thì trong quá trình chung sống với chị Nguyễn Thị Tuyết N thường xảy ra nhiều mâu thuẫn, bất đồng quan điểm sống và cũng đã nhiều lần tự khắc phục sửa chữa khuyết điểm nhưng suốt thời gian dài vẫn không có kết quả mà ngược lại còn gây gắt hơn, cuộc sống hôn nhân đã hoàn toàn không còn hạnh phúc, không thể duy trì để tiếp tục chung sống với nhau về sau nên anh T và chị N đã sống ly thân, mỗi người một nơi, không ai tới lui qua lại nữa. Anh T thấy tình cảm vợ chồng không còn, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên anh T yêu cầu xin được ly hôn với chị N.

- Đối với Nguyễn Thị Tuyết N, sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tiến hành thực hiện đầy đủ các bước theo trình tự, thủ tục tố tụng dân sự nhưng chị N không thực hiện. Điều này chứng tỏ rằng chị N không còn quan tâm đến gia đình, nhất là tình cảm vợ chồng,

nghĩ nên cần thiết cần được chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của anh T đối với chị N là phù hợp theo quy định tại Điều 51 của Luật hôn nhân và gia đình.

- Về con chung: Có 01 con chung tên Trần Nguyễn Thành T1, sinh ngày 25/6/2016 hiện đang sống với anh T và anh T yêu cầu được tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục, không yêu cầu chị N cấp dưỡng nuôi con.

Xét thấy: Cháu Trần Nguyễn Thành T1 từ khi vợ chồng ly thân anh T là người trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục nên tình cảm của cháu T1 đã gắn liền với anh T, nghĩ nên tiếp tục giao cháu Trần Nguyễn Thành T1, sinh ngày 25/6/2016 cho anh T tiếp tục nuôi đến trưởng thành (trừ trường hợp thay đổi việc nuôi con theo quy định của pháp luật), chị N được quyền đến thăm nom, chăm sóc con chung, không ai có quyền ngăn cản.

- Về cấp dưỡng nuôi con, anh T không yêu cầu nghĩ nên miễn xét.

- Về tài sản và nợ: Không có, miễn xét.

- Về án phí: Anh Trần Thanh T phải chịu tiền án phí ly hôn theo quy định tại Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 về Mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Áp dụng khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228; khoản 5 Điều 177, Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự;

- Áp dụng Điều 51, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình;

- Áp dụng điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 về Mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án:

1. Về Quan hệ hôn nhân: Xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của anh Trần Thanh T đối với chị Nguyễn Thị Tuyết N.

2. Về con chung: Xử giao cháu Trần Nguyễn Thành T1, sinh ngày 25/6/2016 cho anh T tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục đến trưởng thành (trừ trường hợp thay đổi việc nuôi con theo quy định của pháp luật), chị N được quyền đến thăm nom, chăm sóc con chung, không ai có quyền ngăn cản.

3. Về cấp dưỡng nuôi con: Miễn xét.

4. Về tài sản và nợ: Miễn xét.

5. Về án phí dân sự sơ thẩm: Xử buộc anh Trần Thanh T phải chịu tiền án phí ly hôn là 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà anh T đã nộp là 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tiền số 0008437, ngày 31 tháng 5 năm 2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện G, tỉnh Kiên Giang.

Báo cho anh Trần Thanh T biết có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án là ngày 20 tháng 9 năm 2022; Chị Nguyễn Thị Tuyết N được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Kiên Giang;
- VKSND tỉnh, huyện GR;
- Chi cục thi hành án GR;
- UBND xã, thị trấn;
- Dương sự;
- L- u hồ sơ.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán-Chủ tọa phiên tòa

(đã ký)

LÊ VĂN TÁM